

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2020.

V/v tranh chấp về nuôi con chung
của nam, nữ sống chung với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký
kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thờ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Nguyễn Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976;

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh H, sinh năm:1976;

Cùng nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2020, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1994 và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian sống chung anh H thường xuyên uống rượu, tham gia tệ nạn xã hội, không lo làm để phụ giúp kinh tế cho gia đình, về nhà kiếm chuyện đánh đập vợ con và quậy phá nhà cửa. Chị T nhiều lần khuyên can để anh H sửa đổi, nhưng anh H không thay đổi bản tính. Thời gian gần đây sau khi uống rượu về anh H

đánh đập, rượt đuổi chị, quậy phá nhà mẹ ruột chị và không cho đưa con nhỏ ở trong nhà, mặc dù đã nhiều lần bị chính quyền địa phương mời đến giáo dục, nhắc nhở nhưng anh H vẫn không từ bỏ. Con chung có 2 người con chung tên Phan Thị Thúy H1, sinh năm 1996 đã trưởng thành có gia đình riêng, Phan Thị Bích H2, sinh ngày 16/11/2004 hiện nay đang sống chung với chị T. Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu: Do không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh H. Con chung Phan Thị Thúy H1, sinh năm 1996 đã trưởng thành có gia đình riêng, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bích H2, sinh ngày 16/11/2004, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thanh H trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khi sinh con gái lớn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do anh H uống rượu về vợ chồng có cự cãi và đập đồ trong nhà, vì vậy chị T bỏ đi, thời gian gần đây khoảng 02 tháng, mâu thuẫn trầm trọng hơn nên anh không về nhà mà ở đậu nhà người em.

Nay anh Phan Thanh H yêu cầu: Thống nhất ly hôn với chị T, con chung cháu Thúy Hằng đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Bích H2 thống nhất giao cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh H không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T trình bày: Thời gian trước chị đã nộp đơn ly hôn với anh H 1 lần, rồi rút đơn lại để cho anh H cơ hội sửa đổi bản tính, vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh H vẫn không thay đổi, mỗi lần uống rượu là anh H đập phá đồ, chửi bới vợ con, chị đã chịu đựng và bỏ qua nhiều lần cho anh H và đã ly thân khoảng 4-5 tháng nay. Nay chị T chỉ yêu cầu ly hôn với anh H, con chung yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bích H2, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh H. Về con chung chấp nhận sự thỏa thuận nuôi con của chị T và anh H, về việc giao cháu H2, sinh ngày 16/11/2004 cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh H, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp C, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh H không có đăng ký kết hôn, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3.] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định, nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Trong thời gian chung sống chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, anh H thường xuyên đập phá đồ đạc, không quan tâm chăm sóc gia đình và không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa chị T cương quyết ly hôn với anh H, do chị T và anh H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về con chung: Chị T và anh H có 02 người con chung là cháu Phan Thị Thúy H1, sinh năm 1996 đã trưởng thành và cháu H2, sinh ngày 16/11/2004, hiện đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H2, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Căn cứ bản khai ngày 26/10/2020 của cháu H2 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T, để chị T nuôi dưỡng.

Bị đơn anh H thống nhất giao cháu H2 cho chị T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng cho con.

Để đảm bảo cho cháu H2 có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho cháu khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và phù hợp với sự thỏa thuận giữa chị T và anh H về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh H về việc nuôi con chung, tiếp tục giao cháu H2, sinh ngày 16/11/2004 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng cho con chung, chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H2 không ai được cản trở.

[2.3.] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4.] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Phan Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh H.

Giao cháu H2, sinh ngày 16/11/2004 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phan Thanh H không

phải cấp dưỡng cho cháu Bích H2 do chị T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Phan Thanh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Phan Thanh H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Phan Thanh H.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0002239 ngày 09/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/11/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Công Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã B, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ